

Trang chủ/Diễn đàn khoa học/Nghiên cứu - Trao đổi

## Tác động của thực hành kế toán quản trị đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại các doanh nghiệp dệt may Việt Nam

09:55 | 31/07/2024

**EFR** Nghiên cứu này sẽ đánh giá mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp – trường hợp doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam.

ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh

Học viện Chính sách và Phát triển

### Tóm tắt

Nghiên cứu này điều tra mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của các công ty dệt may tại Việt Nam thông qua thu thập 228 phiếu khảo sát bằng hình thức trực tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Thực hành kế toán quản trị có ảnh hưởng tích cực đến Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp ở cả khía tài chính và phi tài chính. Những phát hiện này cung cấp cái nhìn rõ hơn về thực hành kế toán quản trị trong bối cảnh thị trường mới nổi như Việt Nam.

**Từ khóa:** hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, thực hành kế toán quản trị, ngành công nghiệp dệt may

### GIỚI THIỆU

Kế toán quản trị là một bộ phận kế toán cung cấp thông tin cho các nhà quản lý tại doanh nghiệp thông qua các báo cáo kế toán nội bộ và tập trung vào việc giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khi các doanh nghiệp mở rộng hoạt động ở quy mô toàn cầu, để đối phó với môi trường cạnh tranh khốc liệt, thông tin kế toán quản trị ngày càng phải được các doanh nghiệp sử dụng để hỗ trợ lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định (Hoque và cộng sự, 2001), cũng như dự báo và xây dựng chiến lược phát triển phù hợp. Mặc dù có vai trò trong việc lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định, song kế toán quản trị được áp dụng hạn chế trong các doanh nghiệp Việt Nam, trong khi đó, kế toán tài chính lại được chú trọng hơn (Trần Ngọc Hùng, 2016). Câu hỏi đặt ra là liệu thực hành kế toán quản trị có thể mang lại hiệu quả cao hơn cũng như tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường hay không? Do vậy, nghiên cứu này sẽ đánh giá mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp – trường hợp doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam.

### CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### Cơ sở lý thuyết

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đã được nhiều tác giả nghiên cứu trước đây. Kết quả nghiên cứu của Albernethy và Guthrie (1994), Chong và Chong (1997), Mia và Clarke (1999), Duh và cộng sự (2009) cho thấy, việc sử dụng các công cụ kế toán quản trị có mối quan hệ tích cực với hiệu quả hoạt động. Chenhall và Langfield-Smith (1998) đã phát hiện rằng, việc sử dụng nhiều hơn các công cụ kế toán quản trị tiên tiến, như các chương trình cải thiện chất lượng, chuẩn mực và quản lý dựa trên hiệu suất... sẽ dẫn đến hiệu suất cao. Baines và Langfield-Smith (2003) xác nhận rằng, việc sử dụng các công cụ kế toán quản trị hiện đại có mối quan hệ tích cực với hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, cũng có một số nghiên cứu không tìm thấy mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động hoặc tìm thấy mối quan hệ ngược giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Agbejule (2005) khẳng định, việc sử dụng các công cụ kế toán quản trị hiện đại có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Banker và cộng sự (2008) phát hiện rằng, việc áp dụng phương pháp ABC không cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Đoàn Ngọc Phi Anh (2012) đã chỉ ra rằng, càng nhiều công ty áp dụng kế toán quản trị, hiệu quả hoạt động của họ (cả về tài chính và phi tài chính) sẽ càng cao. Các nghiên cứu sau này, như: Trần Thị Trinh (2018), Trịnh Hiệp Thiên (2019), Lê Thị Mỹ Nương (2020), Đỗ Thị Hương Thanh (2020)... cũng cho thấy kết quả tương tự.

#### Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

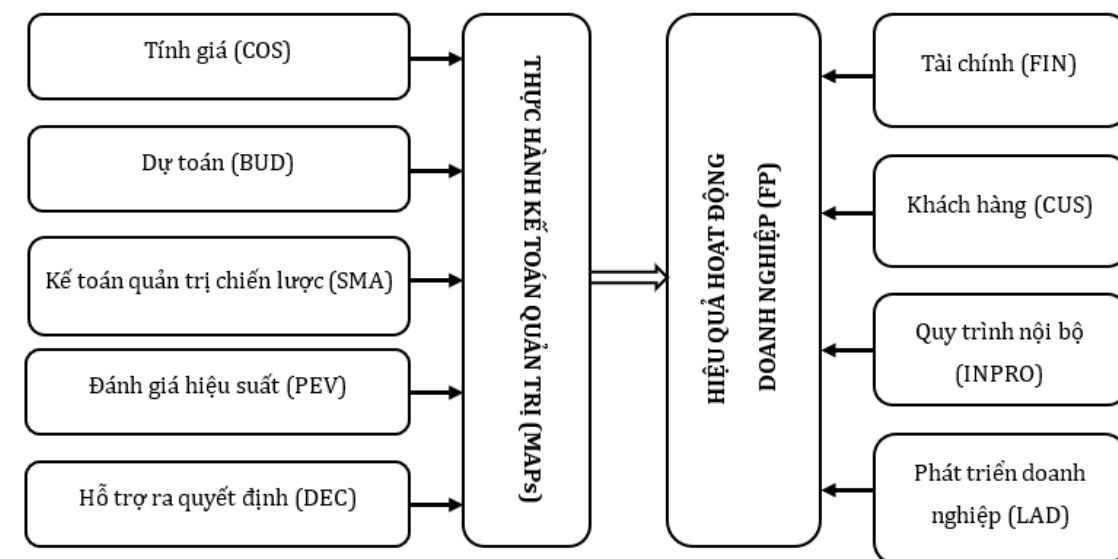
Mặc dù mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại nhiều quốc gia có nhiều kết quả không nhất quán trong các nghiên cứu, song có thể thấy vai trò của kế toán quản trị trong việc cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho các nhà quản lý sẽ giúp các doanh nghiệp cải thiện hiệu quả hoạt động. Trong khung khổ nghiên cứu,

bài viết này kỳ vọng rằng, thực hành kế toán quản trị (thể hiện qua các khía cạnh: tính giá, dự toán, kế toán quản trị chiến lược, đánh giá hiệu suất, hỗ trợ ra quyết định) sẽ giúp các nhà quản lý các doanh nghiệp trong ngành dệt may tại Việt Nam cải thiện hiệu quả hoạt động. Kết quả không chỉ được xem xét từ góc độ tài chính, mà còn từ khía cạnh phi tài chính (khách hàng, quy trình nội bộ, phát triển doanh nghiệp) khi ngành dệt may cũng đã thay đổi đáng kể phương pháp quản lý trong quá trình hội nhập. Do đó, các giả thuyết sau đây được đề xuất:

- H1: Thực hành kế toán quản trị làm tăng Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- H2: Thực hành kế toán quản trị làm tăng Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp về mặt tài chính.
- H3: Thực hành kế toán quản trị làm tăng Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp về mặt khách hàng.
- H4: Thực hành kế toán quản trị làm tăng Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp về mặt quy trình nội bộ.
- H5: Thực hành kế toán quản trị làm tăng Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp về mặt phát triển.

Mô hình khái niệm có thể được mô tả tại Hình.

Hình: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả tổng hợp

**Phương pháp nghiên cứu**

*Phương pháp đo lường*

Bảng câu hỏi được phát triển dựa trên các nghiên cứu trước đây. Trong đó, thang đo Thực hành kế toán quản trị được kế thừa từ nghiên cứu của Abdel-Kader và Luther (2008), Chenhall và Langfield-Smith (1998), Luther và Longden (2001), Wu và cộng sự (2007), Đoàn Ngọc Phi Anh (2012) và Nguyễn Thị Phượng Dung (2021). Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được đo lường dựa trên các nghiên cứu của Chenhall và Langfield-Smith (1998), Douglas (1998), Hoque và cộng sự (2001), Moneva và Ortas (2010), Tuan Mat và Smith (2014).

*Dữ liệu nghiên cứu*

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài viết tiến hành kiểm tra giả thuyết dựa trên phương pháp tam giác hóa (Cunningham và cộng sự, 2000). Tác giả kết hợp cả phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để nâng cao hiểu biết về mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Các phương pháp thu thập và diễn giải dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm phương pháp khảo sát (bằng cách sử dụng bảng câu hỏi trực tuyến) và phỏng vấn sâu xác nhận. Bảng câu hỏi được phân phối đến người tham gia dưới dạng trực tuyến được tạo bằng Google Docs.

Khung mẫu cho nghiên cứu này được xây dựng từ danh bạ các công ty dệt may tại Việt Nam được liệt kê trong Hiệp hội Dệt May Việt Nam. 270 công ty dệt may được sử dụng làm danh sách gửi thư cho nghiên cứu này. Sau khi lọc bỏ các câu trả lời không cẩn thận và sai sót, số lượng mẫu cuối cùng được sử dụng là 228. Thời gian khảo sát được tiến hành từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024 (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Độ tin cậy của thang đo**

Bảng 1 cho thấy, các giá trị của hệ số tải đều > 0.6. Đây là mức chấp nhận được đối với các biến quan sát trong một yếu tố.

Hệ số Cronbach's Alpha đều > 0.6 và các giá trị của thang đo dao động từ 0.842 đến 0.979. Các giá trị của CR đều > 0.7 và AVE đều > 0.5. Điều này cho thấy rằng, các thang đo trong dữ liệu nghiên cứu là phù hợp và đủ độ tin cậy để tiến hành các bước phân tích tiếp theo. Cũng theo Bảng 1, kết quả về mức độ giá trị phân biệt dựa trên chỉ số Fornell-Larcker đều đạt yêu cầu. Giá trị AVE của mỗi yếu tố lớn hơn sự tương quan giữa yếu tố đó và các yếu tố khác. Như vậy, các thang đo trong mô hình đảm bảo tính phân biệt.

**Bảng 1: Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo**

	AVE	CR	Cronbach's Alpha	Biến	Hệ số tải
Tính giá	0.882	0.974	0.958	COS1	0.943
				COS2	0.906
				COS3	0.941
				COS4	0.949
				COS5	0.888
Dự toán	0.835	0.962	0.952	BUD1	0.888
				BUD2	0.951
				BUD3	0.891
				BUD4	0.930
				BUD5	0.908
Hỗ trợ ra quyết định	0.892	0.976	0.969	DEC2	0.902
				DEC3	0.928
				DEC4	0.984
				DEC6	0.965
Kế toán quản trị chiến lược	0.872	0.971	0.963	SMA10	0.953
				SMA3	0.957
				SMA6	0.948
				SMA7	0.954
Đánh giá hiệu suất	0.846	0.956	0.939	PEV2	0.934
				PEV3	0.915
				PEV4	0.961
Khách hàng	0.904	0.974	0.964	CUS1	0.957
				CUS 2	0.964
				CUS 3	0.911
				CUS 8	0.969
Tài chính	0.775	0.954	0.941	FIN1	0.803
				FIN 2	0.932
				FIN 3	0.834
				FIN 4	0.913
				FIN 5	0.924
				FIN 7	0.868
Phát triển doanh nghiệp	0.836	0.953	0.933	LAD1	0.933
				LAD2	0.956
				LAD 3	0.814
				LAD 6	0.948

Quy trình nội bộ	0.828	0.951	0.930	INPRO1	0.839
				INPRO 2	0.952
				INPRO 3	0.923
				INPRO 4	0.922

Nguồn: Tác giả tính toán

### Phân tích hồi quy

Dựa trên kết quả phân tích trong Bảng 2, có thể thấy giả thuyết H1 có hệ số  $\beta = 0.635$  và giá trị t-statistic là 6.247 ( $p\text{-value} = 0.00 < 0.05$ ), điều này cho thấy tồn tại mối quan hệ tích cực giữa Thực hành kế toán quản trị và Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Như vậy, mức độ áp dụng Thực hành kế toán quản trị trong một doanh nghiệp càng cao, thì sẽ càng tăng hiệu quả hoạt động tổng thể của doanh nghiệp. Kết quả này phù hợp với những quan sát của các tác giả: Chenhall (2003), Otley (1980), Đoàn Ngọc Phi Anh (2012).

**Bảng 2: Kiểm tra giả thuyết**

Giả thuyết		Hệ số	t-value	p-value	Kết luận
H1	MAPs $\rightarrow$ PER	0.635	6.247	0.000	Chấp nhận
H2	MAPs $\rightarrow$ FIN	0.885	9.919	0.000	Chấp nhận
H3	MAPs $\rightarrow$ INPRO	0.698	7.956	0.000	Chấp nhận
H4	MAPs $\rightarrow$ CUS	0.824	10.556	12.225	Chấp nhận
H5	MAPs $\rightarrow$ LAD	0.864	12.225	12.225	Chấp nhận

Nguồn: Tác giả tính toán

Tiếp theo, bài viết nghiên cứu tác động của việc áp dụng Thực hành kế toán quản trị lên các khía cạnh của Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Theo kết quả Bảng 2, giả thuyết H2 có hệ số  $\beta = 0.885$  và giá trị t-statistic = 9.919 ( $p\text{-value} = 0.00 < 0.05$ ), nghĩa là tồn tại mối quan hệ giữa Thực hành kế toán quản trị và Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp về mặt tài chính. Do đó, giả thuyết H2 được chấp nhận. Nói cách khác, tồn tại tác động tích cực của thực hành kế toán quản trị lên hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Kết quả này tương tự với các nghiên cứu trước đây của Chenhall (2003), Abernethy và Bowens (2005), Cadez và Guiding (2008), Dul và cộng sự (2009), Đoàn Ngọc Phi Anh (2012), Đỗ Thị Hương Thanh (2019), Lê Thị Mỹ Nương (2020).

Ở góc độ phi tài chính, Thực hành kế toán quản trị có tác động tích cực đến Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp về mặt quy trình nội bộ, với hệ số  $\beta = 0.698$  và giá trị t-statistic = 7.956 ( $p = 0.00 < 0.05$ ). Kết quả này tương tự với công trình trước đây của Perera, Harrison và Poole (1997); Lê Xuân Bình (2016).

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, Thực hành kế toán quản trị có ảnh hưởng tích cực đến Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp về mặt khách hàng, với hệ số  $\beta = 0.824$  và giá trị t-statistic = 10.556 ( $p = 0.00 < 0.05$ ). Kết quả này trùng khớp với công trình trước đây của Anderson, Fornell và Lehmann (1994), Lê Xuân Bình (2016). Điều này cho thấy rằng, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam áp dụng kế toán quản trị để cung cấp thông tin cho lãnh đạo, từ đó góp phần đảm bảo thời gian giao hàng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và cải thiện sự hài lòng của khách hàng, từ đó tăng thị phần của doanh nghiệp trên thị trường.

Cuối cùng, Thực hành kế toán quản trị có tác động tích cực đến Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp về mặt phát triển, với hệ số  $\beta = 0.864$  và giá trị t-statistic = 12.225. Kết quả này trùng khớp với công trình trước đây của Anderson, Fornell và Lehmann (1994), Lê Xuân Bình (2016).

Như vậy, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam khi áp dụng nhiều công cụ kế toán quản trị hơn, sẽ tăng hiệu quả hoạt động của mình trên tất cả các khía cạnh: tài chính, quy trình nội bộ, khách hàng và phát triển.

### KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý

Thông qua việc sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến với 228 phiếu khảo sát hợp lệ, bài viết đã phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa Thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, việc áp dụng Thực hành kế toán quản trị có tác động tích cực và đáng kể đến Hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, bao gồm cả hiệu quả tài chính và phi tài chính. Cụ thể, các công ty dệt may áp dụng thực hành kế toán quản trị đã cải thiện rõ rệt hiệu quả tài chính, như: tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao lợi nhuận. Đồng thời, hiệu quả phi tài chính cũng được cải thiện, thể hiện qua việc nâng cao sự hài lòng của khách hàng, cải thiện quy trình nội bộ và thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Những phát hiện này không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của kế toán quản trị trong việc hỗ trợ lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định, mà còn cho thấy rằng các doanh nghiệp Việt Nam nên đầu tư và chú trọng hơn vào việc áp dụng thực hành kế toán quản trị để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và phát triển bền vững (Vuong

và Nguyen, 2024).

Do đó, để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong thời gian tới, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần tiếp tục áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại và tiên tiến, bao gồm sự hỗ trợ lớn từ các công cụ kế toán quản trị. Các công cụ kế toán quản trị sẽ cung cấp thông tin hữu ích và kịp thời để giúp các nhà quản lý lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định./

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdel-Kader, M., Luther, R. (2008), The impact of firm characteristics on management accounting practices: A UK-based empirical analysis, *The British Accounting Review*, 40(1), 2-27.
2. Abernethy, M.A. và Brownell, P. (2005), The role of budgets in organizations facing strategic change: an exploratory study, *Accounting, Organizations and Society*, 22(3-4), 245-261.
3. Agbejule, A. (2005), The relationship between management accounting budgetary behavior and organizational performance, *Journal of Business Research*, 58(4), 324-332.
4. Albernethy, M. A., Guthrie, C. H. (1994), An empirical assessment of the "fit" between strategy and management information system design, *Accounting and Finance*, 34(2), 49-66.
5. Anderson, E.W., Fornell, C., Lehmann, D.R. (1994), Customer satisfaction, market share, and profitability: findings from Sweden, *Journal of Marketing*, 58(3), 53-66.
6. Baines, A., Langfield-Smith, K. (2003), Antecedents to management accounting change: a structural equation approach, *Accounting, Organizations and Society*, 28(7-8), 675-698.
7. Banker, R. D., Bardhan, I., Chen, T. Y. (2008), The role of manufacturing practices in mediating the impact of activity-based costing on plant performance, *Accounting, Organizations and Society*, 33(1), 1-19.
8. Cadez, S., Guiding, C. (2008), An exploratory investigation of an integrated contingency model of strategic management accounting, *Accounting, Organizations and Society*, 33(7-8), 836-863.
9. Chenhall, R. H. (2006), The contingent design of performance measures, *Handbooks of management accounting research*, 1, 683-726.
10. Chenhall, R. H., Langfield-Smith, K. (1998), The relationship between strategic priorities, management techniques and management accounting: an empirical investigation using a systems approach, *Accounting, Organizations and Society*, 23(3), 243-264.
11. Chenhall, R.H. (2003). Management control systems design within its organizational context: findings from contingency-based research and directions for the future, *Accounting, Organizations and Society*, 28(2-3), -168.
12. Chong, V. K., Chong, K. M. (1997), Strategic choices, environmental uncertainty and SBU performance: a note on the intervening role of management accounting systems, *Accounting and Business Research*, 27(4), 268-276.
13. Cunningham, J.B., Barling, J., MacGregor, J. (2000), Social Exchange, Violence and Partners' Perceptions of Coalitions, *Violence and Victims*, 15(4), 377-392.
14. Douglas, T.J. (1998), Simple, regressive, and contingent approaches for representing causal relationships among quality, market share, and financial performance, *Decision Sciences*, 29(3), 643-663.
15. Dul, J., Vo, T.V.U., Yoshikawa, T. (2009), Contextual factors in the use of management accounting practices: case studies from Vietnam, *Journal of Accounting & Organizational Change*, 5(3), 380-404.
16. Duh, R. R., Xiao, J. Z., Chow, C. W. (2009), Chinese firms' use of management accounting and controls: facilitators, impediments, and performance consequences, *Journal of International Accounting Research*, 8(2), 1-30.
17. Đoàn Ngọc Phi Anh (2012), *Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
18. Đỗ Thị Hương Thanh (2019), *Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
19. Đỗ Thị Hương Thanh (2020), Ảnh hưởng của áp dụng kế toán quản trị đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp công nghiệp tại Hà Nội, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, 36(4), 54-66.
20. Hoque, Z., Mia, L., Alam, M. (2001), Market competition, computer-aided manufacturing and use of multiple performance measures: An empirical study, *The British Accounting Review*, 33(1), 23-45.
21. Lê Thị Mỹ Nương (2020), *Hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

22. Lê Xuân Bình (2016), *Vai trò của kế toán quản trị trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
23. Luther, R.G. và Longden, S. (2001), Management accounting in companies adapting to structural change and volatility in transition economies: a South African study', *Management Accounting Research*, 12(3), 299-320.
24. Mia, L., Clarke, B. (1999), Market competition, management accounting systems and business unit performance, *Management Accounting Research*, 10(2), 137-158.
25. Moneva, J.M. và Ortas, E. (2010), Corporate environmental and financial performance: a multivariate approach, *Industrial Management & Data Systems*, 110(2), 193-210.
26. Nguyễn Thị Phương Dung (2021), Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hành kế toán quản trị tại các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, 37(1), 38-50.
27. Otley, D. (2016), The contingency theory of management accounting and control: 1980–2014, *Management accounting research*, 31, 45-62.
28. Perera, S., Harrison, G. và Poole, M. (1997), Customer-focused manufacturing strategy and the use of operations-based non-financial performance measures: a research note, *Accounting, Organizations and Society*, 22(6), 557-572.
29. Trần Ngọc Hùng (2016), Kế toán quản trị: Thực trạng và giải pháp tại các doanh nghiệp Việt Nam, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, 6, 3-9.
30. Trần Ngọc Hùng (2016), Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hành kế toán quản trị tại các doanh nghiệp Việt Nam, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 19(M1), 85-97.
31. Trần Thị Trinh (2018), Ảnh hưởng của thực hành kế toán quản trị đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất tại Hà Nội, *Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật*, 76(3), 24-35.
32. Trịnh Hiệp Thiên (2019), Tác động của thực hành kế toán quản trị đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 31(2), 45-57.
33. Tuan Mat, R.C., Smith, M. (2014), The impact of changes in environment, technology and contemporary issues on cost accounting practice, *Australian Accounting, Business and Finance Journal*, 8(2), 55-76.
34. Vuong, Q. H., Nguyen, M. H. (2024), *Better Economics for the Earth: A Lesson from Quantum and Information Theories*, AISDL.
35. Wu, J., Boateng, A. và Drury, C. (2007), An analysis of the adoption, perceived benefits, and expected future emphasis of western management accounting practices in Chinese SOEs and JVs', *The International Journal of Accounting*, 42(2), 171-185.

**Ngày nhận bài: 20/6/2024; Ngày phản biện: 15/7/2024; Ngày duyệt đăng: 30/7/2024**

URL: <https://kinhtevadubao.vn/tac-dong-cua-thuc-hanh-ke-toan-quan-tri-den-hieu-qua-hoat-dong-doanh-nghiep-nghien-cuu-thuc-nghiem-tai-cac-doanh-nghiep-det-may-viet-nam-29385.html>

© Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư